

Bản án số: 1303/2024/HC-PT
Ngày: 24 – 12 – 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai thuộc trường
hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Linh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 817/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7399/2024/QĐPT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Xuân D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số F đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V; (xin xét xử vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số H L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phạm Huy L, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị Phương T1, Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số F đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2023. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/11/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 13248/QĐ-UBND về việc thu hồi 20,7m² đất tại phường N do ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Đ (đoạn từ đường N đến L), thành phố V (viết tắt là Quyết định số 13248/QĐ-UBND).

Cùng ngày 19/11/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 13277/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H, địa chỉ: F T, phường N, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Đ (đoạn từ đường N đến L), thành phố V (viết tắt là Quyết định số 13277/QĐ-UBND).

Tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định: Diện tích đất thu hồi 20,7m². Diện tích đất không bồi thường 20,7m². Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 400.000 đồng.

Ông D không đồng ý đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 13277/QĐ-UBND, yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi 20,7m².

Ngày 02/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8388/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn khiếu nại của ông D (viết tắt là Quyết định số 8388/QĐ-UBND).

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 13277/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường.
- Hủy Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.
- Buộc UBND thành phố V bồi thường cho gia đình ông D 20,7m² đất thu hồi theo giá đất ở.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Nhà đất gia đình ông D đang sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Lê Công H1 vào ngày 26/01/1992. Ông H1 được Lữ đoàn 956 thuộc Bộ tư lệnh Thông tin Liên lạc cấp đất làm nhà ở vào năm 1989. Tại thời điểm đó, Lữ đoàn 956 cấp đất là sai thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai 1987. Đến năm 1991, UBND Đặc khu V - C đã ban hành lại quyết định cấp đất đúng thẩm quyền cho các hộ dân là cán bộ công nhân viên thuộc Lữ đoàn 956, kèm theo là Sơ đồ vị trí các thửa đất được Sở Xây dựng lập chi tiết (trên bản vẽ thể hiện là “*Khu nhà ở gia đình Bộ đội*”). Tại khu đất này, có 19 hộ được cấp đất với chiều dài là 39m, tính từ mép đường, chiều ngang đất thì các hộ có kích thước khác nhau. Thửa đất của ông Lê Công H1 (Lê Quang H2) có chiều dài 39m x ngang 7,8m. Quá trình sử dụng đất, ông H2 có đăng ký kê khai diện tích sử dụng là 248m². Ông H2 sử dụng đến tháng 01/1992 thì chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Lê Xuân D, bà Trần Thị H.

Năm 1997, UBND tỉnh B điều chỉnh quy hoạch Khu nhà ở gia đình của Lữ đoàn 596, theo đó trên bản vẽ đường T sẽ được mở rộng lấy thêm vào 7m của mỗi hộ dân, tính từ mép đường hiện hữu. Tuy nhiên, đây chỉ là quy hoạch trên giấy, các hộ dân vẫn sử dụng đất trên thực tế.

Gia đình ông D sử dụng đất đến năm 2008 thì tách thành 02 thửa và chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung K, bà Lữ Thị H3 một thửa (chiều ngang 3,81m x chiều dài 39m). UBND thành phố V khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà H đã chừa ra phần diện tích đất 20,7m² nằm trong quy hoạch mở rộng đường nên diện tích đất còn lại của gia đình ông D là 126m² (ngang 3,8m x dài 35,4m). Trong 19 hộ dân cùng sử dụng nhà đất có nguồn gốc giống nhau nhưng một số hộ dân đã được UBND thành phố V bồi thường về đất ngay từ đầu, một số hộ dân khác đã được bồi thường trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Gia đình ông D sử dụng nhà đất ổn định, UBND thành phố V thu hồi đất không bồi thường cho gia đình ông D 20,7m² đất với lý do đất Nhà nước quản lý là không đúng.

Không đồng ý với Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 13277/QĐ-UBND, ông D đã khiếu nại. Đến tháng 11/2023, sau khoảng thời gian chờ đợi quá lâu nhưng không nhận được kết quả giải quyết, ông D liên hệ Ban Tiếp công dân của UBND thành phố V thì được biết Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác đơn của ông D. Ông D không được nhận Quyết định số 8388/QĐ-UBND.

Do vậy, ông D khởi kiện đến Tòa án với các yêu cầu như trên.

Ý kiến người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V:

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Theo xác nhận của UBND Phường N tại Văn bản số 365/UBND-ĐC ngày 01/4/2021 và căn cứ kết quả xác minh của Thanh tra thành phố V tại Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 thể hiện như sau:

Đất do Lữ đoàn 596 - Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc cấp cho ông Lê Công H1 theo Quyết định số 009/QĐ ngày 15/7/1989, trong đó thể hiện kích thước chiều dài là 20m, chiều rộng 5m, tổng diện tích 100m². Ngày 27/9/1991, ông Lê Công H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 584/CNSH. Ngày 27/01/1992, ông H1 chuyển nhượng lại cho ông Lê Xuân D được Phòng C chứng thực. Ngày 30/6/1992, ông Lê Xuân D được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 85/CNSH. Sau đó ông D chuyển nhượng một phần diện tích cho ông, bà Nguyễn Trung K - Lữ Thị Hoài . Ngày 16/12/2008, ông Lê Xuân D - bà Trần Thị H được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất lần đầu số AN 033950 với diện tích 125,5m² gồm 115m² đất ở tại đô thị và 10,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 44, tờ số 04 tại phường N. Đến ngày 24/02/2016, UBND thành phố V cấp đổi sang Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất số CC 840992 cho ông, bà Lê Xuân D - Trần Thị H.

Toàn bộ diện tích thu hồi 20,7m² ngoài diện tích 125,5m² (115m² đất ở đô thị và 10,5m² đất trồng cây lâu năm) đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 840992 ngày 24/02/2016 cho ông, bà Lê Xuân D - Trần Thị H, theo xác nhận của UBND Phường N tại Văn bản số 365/UBND-ĐC ngày 01/4/2021 thì diện tích thu hồi 20,7m² ông D sử dụng do lấn diện tích quy hoạch mở đường.

2. Quá trình thu hồi, bồi thường, giải quyết khiếu nại:

Thực hiện dự án Cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Đ (đoạn từ Nguyễn An N đến L), UBND thành phố V ban hành Quyết định số 13248/QĐ-UBND về việc thu hồi 20,7m² do ông, bà Lê Xuân D - Trần Thị H đang sử dụng và Quyết định số 13277/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó diện tích thu hồi 20,7m² không được bồi thường. Ông D không đồng ý khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND thành phố V, yêu cầu bồi thường 20,7m² theo giá đất nông nghiệp.

Ngày 02/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8388/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn của ông D. Ông D không khiếu nại lần 2 và có đơn khởi kiện đến Tòa án.

3. Thông tin tại hồ sơ địa chính các thời kỳ:

Diện tích thu hồi 20,7m² thuộc thửa 11/15, tờ bản đồ thu hồi đất theo Mảnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính do Trung tâm K1 đo vẽ, lập ngày 12/4/2021, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V kiểm tra, xác nhận ngày 19/4/2021.

- Tại bản đồ giải thửa năm 1989: Diện tích thu hồi 20,7m² nằm phần lề đường tiếp giáp thửa số 222 (cũ), tờ số 03 (cũ), diện tích 248m², loại đất "T".

- Tại Sổ Đăng ký ruộng đất Phường H (cũ) thể hiện: Thửa số 222 (cũ), tờ số 03 (cũ) diện tích 248m² loại đất "T" do "Lê Công H1" kê khai đăng ký.

Các tài liệu kèm theo hồ sơ thể hiện: Ông, bà Lê Xuân D - Trần Thị H sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Công H1 do Lữ đoàn E - Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc cấp diện tích 100m² (dài 20m, rộng 5m).

Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Lê Công H1, ông D chuyển nhượng một phần cho ông, bà Nguyễn Trung K - Lữ Thị Hoài . Ngày 16/12/2008, ông Lê Xuân D được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất số AN 033950 với diện tích 125,5m² gồm 115m² đất ở đô thị và 10,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04. Đến ngày 24/02/2016, UBND thành phố V cấp đổi sang Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất số CC 840992 cho ông, bà Lê Xuân D - Trần Thị H.

Diện tích thu hồi 20,7m² được xác định theo Mạnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính do Trung tâm K1 đo vẽ, lập ngày 12/4/2021, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V kiểm tra, xác nhận ngày 19/4/2021, thể hiện nằm hoàn toàn ngoài Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất số AN 033950 ngày 16/12/2008 và ngoài Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đất số CC 840992 ngày 24/02/2016; đồng thời ngoài diện tích và khuôn viên thửa đất số 222 (cũ), tờ số 03 (cũ) tại Sổ Đăng ký ruộng đất do ông Lê Công H1 kê khai đăng ký với diện tích 248m² đất "T". Như vậy, diện tích đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Trung K và ông Lê Xuân D tổng cộng là 251,9m² gồm 230m² đất ở và 21,9m² đất trồng cây lâu năm, tăng 3,9m² so với diện tích thửa đất gốc đăng ký là 3,9m², hiện trạng phần diện tích thu hồi là sân gạch, hồ ga, không có công trình, vật kiến trúc sử dụng vào mục đích để ở.

Việc sử dụng diện tích 20,7m² của ông D tăng thêm so với diện tích đã được Nhà nước công nhận giấy chứng nhận đất, ngoài diện tích thửa đất gốc do chủ sử dụng đất cũ là ông Lê Công H1 kê khai đăng ký, nay UBND Phường N nơi có đất thu hồi xác nhận là do lấn chiếm vỉa hè quy hoạch mở đường. Do đó, không đủ điều kiện được xem xét bồi thường là đúng quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ông D yêu cầu hủy các Quyết định số 13277/QĐ- và Quyết định số 8388/QĐ-UBND là không có cơ sở giải quyết.

UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giải quyết vụ án như sau:

- Nếu thời hiệu khởi kiện không còn thì UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh đình chỉ vụ án.

- Trường hợp còn trong thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: Bà Trần Thị H là vợ của ông D. Bà H thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông D, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D.

- Hủy Quyết định số 13277/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Đ (đoạn từ đường N đến L), thành phố V.

- Hủy Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Xuân D.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H đối với diện tích đất 20,7 m² theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 74/2024/HC-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường T, ngày 19/11/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 13248/QĐ-UBND thu hồi 20,7m² đất tại phường N của ông, bà Lê Xuân D – Trần Thị H. Cùng ngày, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 13277/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông D, bà H, nội dung: Diện tích đất thu hồi 20,7m²; diện tích không bồi thường 20,7m²; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 400.000 đồng.

Ông D, bà H không đồng ý với Quyết định số 13277/QĐ-UBND nêu trên; đề nghị UBND thành phố V phải bồi thường cho gia đình ông bà phần diện tích 20,7m² theo đơn giá đất ở, với lý do đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Lê Công H1 năm 1992 và sử dụng ổn định đến nay.

[2.2] Xét thấy, phần diện tích đất ông D, bà H sử dụng hiện nay có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Lê Công H1. Ngày 15/7/1989, ông Lê Công H1 được Lữ đoàn 596 - Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc cấp lô đất 100m² (5m x 20m) làm nhà ở theo theo Quyết định số 009/QĐ. Ngày 10/9/1991, UBND đặc khu V - Côn Đảo ban hành Quyết định số 947/QĐ.UB về việc phê duyệt quy hoạch Cụm nhà ở Lữ đoàn 596 bộ đội thông tin tại đường T, Phường H. Ngày 18/9/1991, UBND Đặc khu V - Côn Đảo ban hành Quyết định số 798/QĐ.UB về việc giao 17.330m² đất tại ngã ba đường N - T, Phường H cho các hộ thuộc Lữ Đoàn 596 bộ đội thông tin và các hộ thuộc Bộ xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được ủy ban nhân dân Đ phê duyệt. Sau khi được Lữ đoàn 596 giao đất, ông Lê Công H1 đã xây dựng nhà ở. Ngày 27/9/1991, ông H1 được Sở X - C cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 584/CNSH đối với nhà số A, đường S, có bản vẽ kèm theo. Mặc dù trước đó, ông H1 được Lữ đoàn 596 giao lô đất diện tích 100m² nhưng sau đó ông H1 được UBND Phường 8 cũ cho kê khai và đăng ký biến động tại Sở ruộng đất với diện tích 248m²; sổ đăng ký được Sở X – Côn Đảo phê duyệt ngày 04/11/1989.

Ngày 26/01/1992, ông H1 lập Văn bản bán nhà, chuyển nhượng lại nhà đất số A, đường S cho ông Lê Xuân D và vợ Trần Thị H, được Phòng C chứng thực ngày 27/01/1992. Ngày 30/6/1992, ông Lê Xuân D được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 85/CNSH đối với nhà số A, đường S. Sau đó, ông D và bà H chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Trung K và bà Lữ Thị Hoài . Ngày 16/12/2008, ông Lê Xuân D và bà Trần Thị H được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 033950 với diện tích 125,5m² gồm 115m² đất ở tại đô thị và 10,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 44, tờ số 04 tại phường N.

Đến ngày 24/02/2016, ông Lê Xuân D và bà Trần Thị H được cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 840992 diện tích 125,5m² thuộc thửa đất số 44, tờ số 04 tại Phường N. Ngày 06/12/2016, ông Nguyễn

Trung K và bà Lữ Thị H3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 415049 với diện tích 126,4m² gồm 115m² đất ở tại đô thị và 11,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 45, tờ số 04 tại Phường N.

Đối chiếu với diện tích đất ông H1 kê khai và được cập nhật đăng ký trên sổ mục kê ruộng đất năm 1989 và tài liệu bản đồ địa chính lập năm 2004 thì diện tích đất hiện nay vợ chồng ông D, bà H và hộ bà H3 được cấp giấy chứng nhận (không bao gồm diện tích 20,7m² đang khiếu nại) nhiều hơn 3,9m² so với diện tích 248m² ông H1 đăng ký kê khai. Việc ông D, bà H cho rằng diện tích đất 20,7m² nằm trong phần đất ông H1 đã đăng ký kê khai, sử dụng ổn định và chuyển nhượng cho ông, bà là không có cơ sở.

[2.3] Phần diện tích 20.7m² nằm trong quy hoạch lộ giới đường giao thông theo Quyết định số 1322/QĐ.UBT ngày 11/12/1992 của UBND tỉnh B.

Theo Văn bản số 365/UBND-ĐC ngày 01/4/2021 của UBND Phường N nơi có đất thu hồi đã xác nhận: *“Phần diện tích tăng so với diện tích đã được cấp giấy là 21,7m² đất. Phần diện tích đất trên có nguồn gốc đất nhà nước quản lý, sau đó được Lữ đoàn 596 cấp cho cán bộ, chiến sỹ. Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch khu nhà ở A97 tỷ lệ 1/500 được Sở Xây dựng cấp ngày 15/8/1997 thể hiện lộ giới xây dựng được tính từ tim đường vào mỗi bên 11,25m, lộ giới đường Trương Công Định là 24m”*.

Như vậy, có căn cứ xác định phần diện tích đất 20,7m² đất thu hồi của ông D, bà H là đất đường giao thông. Thời điểm cấp giấy chứng nhận lần đầu năm 2008 cho ông D và cấp giấy chứng nhận lần 2 năm 2016 (do chuyển nhượng 01 phần cho bà H3), thì ông D, bà H đều không được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích 20,7m² nhưng không có ý kiến khiếu nại.

Do phần diện tích 20,7m² thuộc đất đường giao thông, ông D, bà H sử dụng thuộc trường hợp lấn chiếm nên không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng trước khi có quy hoạch lộ giới đường giao thông năm 1992, đã sử dụng ổn định, không tranh chấp nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất là không có căn cứ, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.4] Đối với Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Xuân D: Việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 13277/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8388/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu của ông D đối với Quyết định số 13277/QĐ-UBND là có căn cứ.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V; sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D.

[3]. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Lê Xuân D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Người bị kiện không phải chịu.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện UBND thành phố V không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 75 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D về việc:

- Hủy Quyết định số 13277/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Đ (đoạn từ đường N đến L), thành phố V.

- Hủy Quyết định số 8388/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Xuân D.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Xuân D - Trần Thị H đối với diện tích đất 20,7m² theo quy định của pháp luật.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Xuân D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn); được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000159 ngày 21/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào phần án phí phải chịu.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho UBND thành phố V 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000669 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu: HC, VP.

Phạm Công Mươi